



Mã số/ Ref. No: 04273/2026/PKQ (26.3853)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **CÔNG TY TNHH TM DV SÀI GÒN - TÂY NINH**
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **CÔNG TY TNHH TM DV SÀI GÒN - TÂY NINH - Số 576 đường CMT8, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Nước thải**

4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
26.3853.NT.01	Nước thải sau hệ thống xử lý	X=566254, Y=1250519

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 10/06/2026

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 17/06/2026

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 14:2008/BTNMT
				26.3853.NT.01	Cột A ⁽¹⁾
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	6,93	5 ÷ 9
2	TDS ^(a)	mg/L	HDCV/ĐN-H19	40,5	500
3	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	10,8	50
4	BOD ₅ ^(a)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	<3	30
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023	KPH (MDL=1)	5
6	S ²⁻ (a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL=0,03)	1
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E: 2023	6,12	30
8	Phosphate (PO ₄ ³⁻ tính theo P) ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	<0,03	6
9	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2023	KPH (MDL=0,01)	5
10	Dầu mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL=1)	10
11	Coliform ^(a)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	94	3.000

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0909 210 925 - 0947 879 866 / Hotline: 0971 846 393 (zalo)

Website: giamsatmoitruong.com.vn/ Email: mtdaiphu@gmail.com



Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
3. (1): Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột A1 và A2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

GIÁM ĐỐC



ĐOÀN THỊ THỦY

